

Số: 338/TB-STNMT

Phú Yên, ngày 31 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

V/v thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh tại Kế hoạch hành động số 97/KH-UBND ngày 07/7/2017 về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Qua rà soát, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3 đối với 09 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Nâng tổng số thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Sở Tài nguyên và Môi trường lên 49/102 thủ tục, đạt tỷ lệ 48%. (chi tiết các thủ tục có phụ lục đính kèm).

Thời gian triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục nêu trên kể từ ngày ra thông báo.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (thay b/c);
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh (p/h);
- Hội doanh nghiệp Tỉnh;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, công dân;
- Các cơ quan truyền thông;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP Tuyên VP.

Ước



Nguyễn Như Thức

Phụ lục

DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG MỨC ĐỘ 3 ĐẾN THÁNG 5/2018

(Ban hành Kèm theo Thông báo số..... /TB-STNMT ngày/ 5 /2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ công trực tuyến
I	Lĩnh vực Đăng ký đất đai	
1	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	3
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	3
3	Cung cấp dữ liệu đất đai	3
4	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
5	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất).	3
6	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai.	3
7	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng	3



	chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận.	
8	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu.	3
9	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký.	3
10	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký.	3
11	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	3
12	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở.	3
13	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	3
II	Lĩnh vực Đo đạc- Bản đồ và viễn thám	
14	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.	3
15	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám.	3
III	Lĩnh vực môi trường	
16	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.	3
17	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.	3
18	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	3

	(trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng).	
19	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	3
20	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	3
21	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản.	3
IV	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản	
22	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	3
23	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản .	3
24	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	3
25	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	3
V	Lĩnh vực tài nguyên nước	
26	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.	3
27	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	3
28	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	3
29	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	3
30	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích	3

	khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	
31	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	3
32	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	3
33	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	3
34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	3
35	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.	3
36	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	3
37	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	3
38	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	3
39	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	3

VI	Lĩnh vực Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
40	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	3
41	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	3
42	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	3
VII	Lĩnh vực Thanh tra	
43	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (cấp Tỉnh).	3
VIII	Lĩnh vực Giao đất, cho thuê đất	
44	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	3
IX	Lĩnh vực Biển và Hải đảo	
45	Thủ tục Giao khu vực biển.	3
46	Thu hồi khu vực biển.	3
47	Thủ tục trả lại khu vực biển.	3
48	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.	3
49	Thủ tục Gia hạn Quyết định giao khu vực biển.	3

